TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/4/2023

V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Trần Thị Sang
2. Thi Thị Thanh Trúc

Thư ký phiên tòa: Châu Thị Phượng Liên - Cán bộ Tòa án nhân dân Hện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Trần Văn Thòn – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Hện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 và giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Ngọc D, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Rẫy, xã Vinh Kim, Hện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh

2. Bị đơn: Trần Văn T, sinh năm 1995(vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ngãi Hòa, xã Phước Hảo, Hện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Con chung chịD, anh T: Trần Nhật H, sinh năm 2012; Trần Thị Yến V, sinh năm 2014 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tự khai của chị Trần Ngọc D như sau:

ChịD và anh T chung sống năm 2012. Đến năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vinh Kim, Hện Cầu Ngang, Thời gian chung sống có 02 con chung tên Trần Nhật H, sinh năm 2012; Trần yến V, sinh năm 2014. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẩn là do anh T có người phụ nữ khác chung sống với họ như vợ chồng. ChịD đã khuyên và cho cơ hội nhiều lần nhưng anh T không bỏ được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh T. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.

ChịD bận công việc không đến tòa được nên có đơn yêu cầu tòa xét xử vắng mặt.

Theo lời khai của anh Trần Văn T như sau:

Anh T thống nhất vớiD về thời điểm kết hôn, thời gian chung sống, con chung và nguyên nhân phát sinh mâu thuẩn. Nhưng anh vẫn còn thương chịD nên không đồng ý ly hôn, anh T thừa nhận lỗi và sẽ sữa lỗi. Anh không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được đoàn tụ. Nếu tòa xử cho anh ly hôn thì con chung đồng ý giao cho chịD nuôi. Anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Theo tự khai của cháu Trần Nhật H; Trần Thị Yến V như sau:

Nếu cha và mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ, do bận đi hoạc cháu có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã nhận định:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Những vấn đề khác Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hôn nhân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của chịD cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung: chịD được tiếp tục nuôi con Trần Nhật H; Trần Thị Yến V. ChịD không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí buộc đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng**:** Quá trình giải quyết vụ án chịD có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh T đã được triệu tập xét xử hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự đủ căn cứ để xét xử vụ án

[2] Về hôn nhân: ChịD và anh T chung sống với nhau vào năm 2012, đến năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vinh Kim, Hện Cầu Ngang nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chịD cho anh cơ hội sữa đổi nhưng anh T vẫn vậy không sữa chữa lỗi của mình. Tại buổi hòa giải anh T cũng thừa nhận lỗi hứa sẽ sữa lỗi và xin đoàn tụ với chịD nhưng chịD không đồng ý cương quyết ly hôn vì chị cho là không phải lần đầu mà nhiều lần như vậy, chị không có tinh thần sống chung với anh T nữa, cũng không có khả năng tha thứ cho anh T nữa. Cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được chung sống cũng không hạnh phúc nên hội đồng xử án chấp nhận cho chịD được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: ChịD có yêu cầu được nuôi con, Theo biên bản hòa giải ngày 9/3/2023 anh T không có yêu cầu nuôi con mà đồng ý giao con cho chịD nuôi (nếu ly hôn). Cháu Trần Nhật H; Trần Thị Yến V có nguyện vọng sống với chịD nên Hội đồng xử án chấp nhận yêu cầu nuôi con của chịD cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần Nhật H; Trần Thị Yến V.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định" Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con" nhưng chịD không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xử án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; 56, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Ngọc D cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Nhật H; Trần Thị Yến V cho chịD trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T được quyền tới lui, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: ChịD không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xử án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không xem xét

Về nợ chung**:** Không có nên không xem xét.

- Về án phí: ChịD nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014750 ngày 16/2/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Châu Thành; ChịD không phải nộp nữa.

- Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn- bị đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được

niêm yết công khai nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND Hện Châu Thành;
- THADS Hện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đỗ Thị Thu Hằng

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỈNH TRÀ VINH _____

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.... giờ…...phút, ngày 14 tháng 4 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Hện Châu Thành, tỉnh trà Vinh

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng.

Hội thẩm nhân dân:

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân thụ lý số: 287/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 2 năm 2023 về việc*"Tranh chấp ly hôn,"*giữa:

1. Nguyên đơn: Trần Ngọc D, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Rẫy, xã Vinh Kim, Hện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh

2. Bị đơn: Trần Văn T, sinh năm 1995(vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ngãi Hòa, xã Phước Hảo, Hện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Con chung chịD, anh T: Trần Nhật H, sinh năm 2012; Trần Thị Yến V, sinh năm 2014 (vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU*:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Các đương sự tranh xin ly hôn và có nơi cư trú thuộc Hện Châu Thành nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện Châu Thành. Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án chịD có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh T đã được triệu tập xét xử hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đủ căn cứ để xét xử vụ án. Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3

Về điều luật áp dụng: Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3:

Áp dụng các Điều 28; 35; 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các điều 51; 56, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Về yêu cầu khởi kiện: Thành phần Hội đồng xét xử thảo luận có ý kiến:

ChịD và anh T chung sống với nhau vào năm 2012, đến năm 2017 có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chịD cho anh cơ hội sữa đổi nhưng anh T vẫn vậy không sữa chữa lỗi của mình, chị không có tinh thần sống chung với anh T nữa, cũng không có khả năng tha thứ cho anh T. Cho thấy mục đích hôn nhân không

đạt được chung sống cũng không hạnh phúc nên hội đồng xử án chấp nhận cho chịD được ly hôn với anh T.

Về con chung: ChịD có yêu cầu được nuôi con, anh T không có yêu cầu nuôi con mà đồng ý giao con cho chịD nuôi (nếu ly hôn). Cháu Trần Nhật H; Trần Thị Yến V có nguyện vọng sống với chịD nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của chịD cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần Nhật H; Trần Thị Yến V. Về cấp dưỡng nuôi con: chịD không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xử án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét

Quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Sau khi bàn bạc và có ý kiến như trên, Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Ngọc D cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Nhật H; Trần Thị Yến V cho chịD trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T được quyền tới lui, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: ChịD không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xử án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; Về nợ chung**:** Không có nên không xem xét.

**Các vấn đề khác hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3:*

-Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc đương sự nộp theo quy định pháp luật

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 14 tháng 4 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thi Thị Thanh Trúc **Trần Thị Sang** **Đỗ Thị Thu Hằng**